TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/DS-PT
Ngày: 11/11/2025
V/:v : "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, lấn chiếm không gian*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong - Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, lấn chiếm không gian*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2025/QĐ-PT ngày 21/10/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thùy T, sinh năm 1977; địa chỉ: H T, phường Đ, quận P, thành phố H (nay là H T, phường P, thành phố H), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Quý H - luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng Ngọc T1 và Cộng sự. Địa chỉ: 1 Bà T, phường V, thành phố H, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thiện N; địa chỉ: H T, phường Đ, quận P, thành phố H (nay là H T, phường P, thành phố H). Địa chỉ liên lạc: Chi cục kiểm lâm T9. Địa chỉ: A Đ, phường T, thành phố H, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Thiện T2 (Thomas Tien T3);

+ Bà Trần Thị Minh T4 (Tammie M);

Cùng địa chỉ: A L, Fountain V, USA.

+ Ông Trần Thiện L1 (Lich Tran); Địa chỉ: A M, G, H, TX G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thiện T2*, bà* Trần Thị Minh T4*, ông* Trần Thiện L1*:* Ông Trần Thiện N; địa chỉ: H T, phường Đ, thành phố H (nay là H T, phường P, thành phố H), có mặt.

+ Bà Phan Thị V; địa chỉ: thôn K, phường T, quận T, thành phố H (nay là thôn K, phường T, thành phố H), vắng mặt.

+ UBND thành phố H. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân phường P, thành phố H, vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Thiện N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt:

- *Nguyên đơn bà* Phan Thị Thùy T *và người đại diện theo ủy quyền là ông* Quý H *trình bày:* Nhà, đất tại địa chỉ H (số C) đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (địa chỉ hiện nay là số H đường T, phường P, thành phố H), theo Giấy chứng nhận số 330109 cấp ngày 11/01/2002 cho chị gái bà T là bà Phan Thị V. Đến năm 2011, bà V tặng cho bà T toàn bộ nhà, đất. Ngày 5/9/2011, bà T tiến hành làm thủ tục sang tên đổi chủ, từ đó đến nay bà T chỉ sơn và sửa nhẹ trong nhà, còn kết cấu bên ngoài bà không can thiệp.

Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất vào ngày 05/9/2011 thì không gian mặt tiền của bà T là l,3m x 12m hiện nay bị gia đình bên cạnh nhà là ông Trần Thiện N trú tại H T, phường P, thành phố H lấn chiếm khoảng không gian ở bên trên, nhiều lần bà T có yêu cầu phía gia đình ông Nhân T5 điều kiện để bà T treo bảng hiệu thì ông N không đồng ý. Theo quy định pháp luật thì bà T có toàn quyền sử dụng phần đất và phần không gian ở bên trên và được Nhà nước bảo hộ khi bị xâm phạm. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Trần Thiện N tháo dỡ phần không gian lấn chiếm khoảng 15,6 m; trong đó chiều rộng 1,3m, dài là 12m.

- *Bị đơn ông* Trần Thiện N *trình bày:* về nguồn gốc hình thành, hiện trạng và quá trình sử dụng: nguyên trước đây bố mẹ của ông N tên là Trần T6 và mẹ là Nguyễn Thị S cùng với ông Trần T7 và vợ là bà Trần Thị L2 cùng mua của vợ chồng ông bà Trương B và Nguyễn Thị G lô đất A 529 theo văn khế tự lập ngày

06/4/1967, tước bạ tại Huế ngày 01/7/1967, quyển 36, tờ 60, số 654, đăng ký vào số ủy thác đặc biệt quyển số 02, số 623 ngày 02/8/1967. Sau đó, giữa bố mẹ ông N và ông bà Trần T7 - Trần Thị L2 đã thuận tương phân lô đất A529 theo tờ tương phân lập ngày 31/12/1967, trước bạ tại Huế ngày 02/01/1968 quyển 37, tờ 36, số 369 đăng ký vào sổ ủy thác đặc biệt quyển số 2, số 965 ngày 12/01/1968. Việc chuyển nhượng và thuận tương phân lô nêu trên đã được Sở X (nay là Sở X1) xác thực và cấp Giấy sao lục địa bộ ngày 25/5/1988. Theo đó, việc thuận tương phân lô cụ thể bố mẹ ông N (ông, bà Trần T6-Nguyễn Thị S) nhận phần đất ở phía trước của lô đất A529 (tính từ đường T trở vào), ông bà Trần T7 - Trần Thị L2 nhận phần đất ờ phía sau của lô đất A529. Sau khi hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng, tương phân lô, bố mẹ ông N đã xây dựng nhà ở với kết cấu bê tông cốt thép trên phần đất thuộc quyền sở hữu của mình. Phần hiện trạng xây dựng bằng bê tông cốt thép vẫn còn được sử dụng nguyên trạng cho đến thời điểm hiện nay. Trong quá trình sử dụng, bố mẹ ông N đã cho gia đình ông T7 và bà L2 sử dụng chung lối đi trong phần nhà của mình, mà lẽ ra gia đình ông Thủ bà L2 phải đi theo lối ra hướng phía sau, chứ không phải đi ra hướng đường T. Được sử dụng lối đi trong nhà của bố mẹ ông N như vậy cũng xuất phát từ lý do họ tộc, mà cụ thể bà Trần Thị L2 là chị ruột của bố ông N là ông Trần T6.

Qua quá trình sử dụng và cũng xuất phát từ tình nghĩa quan hệ là chị em ruột và cũng điều kiện cho chị ruột và các cháu của mình lúc bấy giờ, nên bố của ông N đã cho xây dựng một bức tường tạm ngăn cách lối đi trong phần nhà của mình (bức tường ngăn tạo cách tạm bằng bờ lô) để cho gia đình chị ruột cùa mình sử dụng làm lối đi thông ra đường T như hiện nay. Sau khi bố của ông N qua đời, cũng vì mối quan hệ ruột thịt đó, nên gia đình ông N cũng vẫn để cho gia đình ông bà Trần T7 và bà Trần Thị L2 sử dụng nhờ phần diện tích để làm lối đi ngay trong phần diện tích nhà ở của mình được ngăn cách bằng 1 bức tường tạm. Việc cho sử dụng nhờ diện tích để làm lối đi đó kéo dài từ năm 1968 cho đến nay và như vậy là cũng đã 50 năm. Đến năm 1993 xuất phát từ nhu cầu sử dụng, gia đình ông N đã lập các thủ tục theo quy định để xin cấp phép cải tạo, xây dựng nhà ở với giải pháp "Nâng tầng dựa trên mặt bằng tầng một có sẵn". Căn cứ vào các hồ sơ theo quy định của pháp luật mà gia đình ông đã xuất trình, qua ý kiến xác thực của chính quyền địa phương và bộ phận quản lý quy hoạch đô thị tỉnh, Sở Xây dựng tỉnh X1 đã cấp Giấy phép xây dựng số 65/XD ngày 25/10/1993. Tại nội dung của Giấy phép xây dựng đã xác định rõ: Giấy phép cấp cho bà N1 , Thị Sen, tại lô đất A, đường T, phường P, thành phố H, Vị trí giới hạn thửa đất: Phía Bắc giáp: Nhà ở gia đình; Phía Nam giáp: Vỉa hè Trần Hưng Đ; Phía Đông giáp: Nhà ông N2 (17C); Phía Tây giáp: Nhà ông Hương B1; Giải pháp xây dựng: Nâng tầng dựa trên mặt bằng tầng 1 có sẵn, Cao trình nền được quy định: Giữ nguyên hiện trạng.

Quá trình xây dựng, gia đình ông bà Trần T7 - Trần Thị L2 hoàn toàn không có ý kiến gì, bởi lẽ ông bà đều hiểu rất rõ nguồn gốc lộ đất của bố mẹ ông N, cũng như hiểu rất rõ về mục đích sử dụng phần diện tích đất của bố mẹ ông N cho gia đình ông bà sử dụng để làm lối đi ngay trong nhà của gia đình ông N.

Sau đó, ông bà Trần T7 -Trần Thị L2 đã chuyển nhượng căn nhà của mình cho bà Phan Thị V. Trong quá trình này giữa gia đình ông N và bà Phan Thị V cũng đã lập văn bản xác định việc sử dụng diện tích nhà ở. Theo đó, gia đình, ông N có toàn quyền sử dụng phần không gian nhà ở phía trên tầng một. Sau khi nhận tặng cho căn nhà tư bà Phan Thị V, không hiểu từ lý do gì, hoặc có thể là do ngộ nhận hoặc có thể chưa hiểu đầy đủ bản chất, nguồn gốc hình thành căn nhà cũng như quyền lợi, nghĩa vụ của người nhận tài sản tặng cho, nên bà T đã làm phát sinh việc tranh chấp không có căn cứ. Qua nội dung trình bày ở trên nhận thấy quyền sở hữu diện tích đất ở và nhà ở của gia đình ông N là hoàn toàn hợp pháp, có nguồn gốc rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Yêu cầu Tòa án xem xét: Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 330109 do UBND thành phố H cấp ngày 11/01/2002 cho bà Phan Thị V, có cập nhật biến động về tặng cho bà Phan Thị Thùy T, được UBND thành phố H xác nhận vào ngày 5/9/2011; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Bị đơn không có nghĩa vụ hoàn trả diện tích 15.6 m^2 (đã được đo đạc thực tê 14.2 m^2) vì phần diện tích này hoàn toàn thuộc về quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bị đơn từ năm 1967 cho đến nay.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Trần Thiện T2, *bà* Trần Thị Minh T4, *ông* Trần Thiện L1 *có người đại diện theo ủy quyền là ông* Trần Thiện N*:* Thống nhất ý kiến của bị đơn ông Trần Thiện N. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Bị đơn không có nghĩa vụ hoàn trả diện tích 15.6 m^2 vì phần diện tích này hoàn toàn thuộc về quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bị đơn từ năm 1967 cho đến nay.

- *Tại bản tự khai ngày 22/8/2023, bà* Phan Thị V *(*B*) trình bày:* Hiện nay, em gái bà là bà Phan Thị Thùy T đang có tranh chấp với ông Trần Thiện N. Bà V trình bày chưa bao giờ xác nhận liên quan đến phần không gian ở trên tầng 1 của nhà ông Trần Thiện N (theo giấy xác nhận ranh giới về quyền sử dụng nhà ở ngày 09/01/2002). Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, ông* Hồ Đắc T8 *là đại diện theo ủy quyền của* UBND thành phố H *trình bày:* ý kiến không đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 17/3/2025, Toà án nhân dân thành phố Huế quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 164, 175 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 166, 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T.

2. Không chấp nhận đơn của bị đơn ông Trần Thiện N về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 18 diện tích 100 m^2 tọa lạc tại H T, phường Đ, quận P, thành phố Huế mang tên Phan Thị V ngày 11/01/2002, đăng ký biến động Phan Thị Thùy T ngày 05/9/2011.

3. Buộc bị đơn ông Trần Thiện N phải tháo dỡ công trình xây dựng có diện tích 14,2 m^2 với kích thước cụ thể là chiều rộng 1,3 và 1,15 m, chiều dài 11,5 m (có bản vẽ kèm theo) của tầng 1, tầng 2, tầng 3 tọa lạc tại số nhà H đường T, phường Đ, quận P, thành phố H để trả lại phần không gian có diện tích 14,2 m^2 của thửa đất số 05, tờ bản đồ số 18, địa chỉ 85 đường T cho bà Phan Thị Thùy T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định ghi nhận sự hỗ trợ chi phí tháo dỡ, về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và công bố quyền kháng cáo.

* Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 20/3/2025, bị đơn ông Trần Thiện N có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu kháng cáo hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cập nhật biến động đứng tên bà Phan Thị Thùy T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến người kháng cáo: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

- Ý kiến bị đơn: giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và đề nghị không chấp nhận hỗ trợ chi phí tháo dỡ và chi phí tố tụng vì ông *N* không thống nhất như bản án sơ thẩm mà kháng cáo.

- Quan điểm của Kiểm sát viên: về thực hiện tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm đảm bảo quy định; về nội dung: đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc nhà, đất tại thửa đất số 5, tờ bản đồ 18, diện tích 100 m^2 tọa lạc tại đại chỉ 85 đường T, phường Đ, quận P, thành phố H là do vợ chồng ông Trần T7, bà Trần Thị L2 và bố mẹ ông N là ông Trần T6 và bà Nguyễn Thị S cùng góp tiền lại mua thửa đất A490 diện tích 156m^2 của vợ chồng ông Trương B, bà Nguyễn Thị G theo văn khế tự lập ngày 06/4/1967, trước bạ ngày 01/7/1967 được đăng ký tại Ty Điền Đ8ịa tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2.2] Ngày 12 và ngày 31 tháng 12 năm 1967, các bên lập Biên bản phân manh điền thổ, tờ tương phân, phân chia thửa đất A490 thành hai thửa là A 528, có diện tích 100 m^2 giao cho ông T7 và bà L2 và A 529, có diện tích 56 m^2 giao cho ông T6 và bà S, có tứ cận kèm theo, trong đó xác định phía đông của hai thửa đất đều giáp đường T. Ngoài ra, tại Lược đồ lô đất thể hiện thửa đất số A528 hiện nay thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bà T có một đường nhỏ đi ra đường T, chứng cứ này phù hợp với Bản vẽ hiện trạng nhà đất do Trung tâm kỹ thuật địa chính thuộc Sở địa chính tỉnh Thừa Thiên Huế lập ngày 26/12/2001 thể hiện thửa đất của bà Phan Thị V là thửa số 05, tờ bản đồ 18, diện tích 100m^2 có cạnh giáp đường T là 1,3 m.

[2.3] Năm 1995, ông T7 và bà L2 lập hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất tại địa chỉ A T cho ông Lê Trọng L3 và bà Phan Thị V (chị bà Phan Thị Thùy T). Ngày 20/5/1995, UBND tỉnh T có Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị V tại thửa đất số T91, tờ bản đồ 100, diện tích 100 m^2, đến ngày 11/01/2002, UBND tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà V tại thửa đất số 05, tờ bản đồ 18, địa chỉ A T. Sơ đồ lô đất của cả hai Giấy chứng nhận này đều thể hiện phần đất có chiều rộng 1,3 m, chiều dài 20 m thuộc quyền sử dụng của bà V.

[2.4] Đối với nhà, đất hiện nay bị đơn ông Trần Thiện N đang quản lý sử dụng tại địa chỉ H T (số cũ là A), phường Đ, quận P, thành phố H có nguồn gốc từ bố mẹ là ông Trần T6 và bà Nguyễn Thị S để lại, theo tờ tương phân lập nặm 1967 là thửa đất A529, diện tích 56 m^2.

[2.5] Ngày 19/8/2011, bà Phan Thị V tặng cho bà T toàn bộ nhà, đất trên. Hợp đồng tặng cho được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Thừa Thiên Huế công

chứng. Đến ngày 05/9/2011, bà T được đăng ký quyền sử dụng nhà, đất nên bà T có quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ nhà, đất trên.

[2.6] Bị đơn cung cấp giấy xác nhận ranh giới về quyền sử dụng nhà ở ngày 09/01/2002 do bà Phan Thị V ký, bà V khai không ký xác nhận giấy trên. Bị đơn có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của bà V. Tòa án sơ thẩm đã có Quyết định yêu cầu cung cấp mẫu chữ ký nhưng các đương sự không cung cấp được nên không thể tiến hành trưng cầu giám định được. Tại giai đoạn phúc thẩm bị đơn tiếp tục có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của bà V; HĐXX xét không cần tiến hành trưng cầu, bởi:

[2.6.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận: bố của ông N đã cho xây dựng một bức tường (năm 1968) tạm ngăn cách lối đi trong phần nhà của mình để cho gia đình chị ruột của mình sử dụng làm lối đi thông ra đường T như hiện nay. Tại hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất tại địa chỉ A T giữa ông T7, bà L2 và ông L3, bà V thể hiện rõ phía Đông giáp đường T và nhà bà Nguyễn Thị S. Như vậy, ranh giới giữa 2 nhà đã được xác lập và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như nhận định tại mục [2.2] và [2.3].

[2.6.2] Tại nội dung Công văn 2873/QLĐT-VP ngày 28/10/2021 của phòng Quản lý đô thị thành phố H trả lời về việc cung cấp tài liệu chứng cứ cho TAND tỉnh Thừa Thiên Huế liên quan đến thửa đất tại A T (nay là H T) thành phố H, hiện đang lưu giữ: có 11 loại giấy tờ tài liệu liên quan, trong đó có "Trích sao bản đồ giải thửa" lập ngày 05/12/1975; "Giấy xác nhận hiện trạng sử dụng đất" lập ngày 14/6/1993; "Họa đồ vị trí nhà" lập ngày 24/6/1993; "Đơn xin công nhận quyền sở hữu nhà" lập ngày 08/5/1993, các tài liệ này đều thể hiện nội dung: bà S đang sử dụng diện tích đất ở 56m^2 (chiều ngang 2,8m X chiều sâu 20m), diện tích xây dựng tầng một là 53,19 m^2.

[2.6.3] Tại Giấy phép xây dựng số 65/XD ngày 25/10/1993 của Sở xây dựng tỉnh X1 xác định rõ: cấp phép cấp cho bà Nguyễn Thị S được cải tạo xây dựng nâng 1 tầng (tầng 2); Giải pháp xây dựng: Nâng tầng dựa trên mặt bằng tầng 1 có sẵn với diện tích xây dựng 41m^2, giới hạn xây dựng: Bắc giáp: nhà ở gia đình (tức nhà bà L2); Nam giáp: vỉa hè Trần Hưng Đ; Đông giáp nhà ông N2 (17C); Tây giáp: nhà ông Hương B1 (17A).

Như vậy, theo các tiểu mục [2.6.2], [2.6.3] thì bị đơn xây dựng phần không gian tầng 2 không đúng với diện tích tầng 1 như Giấy phép xây dựng số 65/XD nêu trên.

[2.7] Theo Báo cáo giám định chất lượng hiện trạng số 167/KD-GDH ngày 21/11/2022 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế thì việc tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn sang nhà H - T về mặt nguyên tắc là hoàn toàn có thể thực hiện được.

[3] Với nhận định trên, xác định Toà án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải tháo dỡ các công trình xây dựng lấn chiếm không gian với diện tích sàn là 14,2 m^2; không chấp nhận yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 05 nêu trên mang tên Phan Thị V ngày 11/01/2002, đăng ký biến động Phan Thị Thùy T ngày 05/9/2011 của bị đơn là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thiện N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với kiến nghị của nguyên đơn: về việc không hỗ trợ tiền chi phí tháo dỡ và chi phí tố tụng như quyết định của bản án sơ thẩm vì ông N kháng cáo. Xét, đây là các nội dung tại quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn có trình bày và cung cấp giấy biên nhận đơn kiến nghị và đơn cứu xét ngày 27/3/2025 của bà Phan Thị Thùy T, tuy nhiên các đơn này không phải là đơn kháng cáo và cũng không được tiến hành các thủ tục của kháng cáo nên không xem xét.

[5] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên toà.

[6] Án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Thiện N phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thiện N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Huế.

2. Về án phí: ông Trần Thiện N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo

Biên lai thu tiền số 0000071 ngày 29/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&XXPT tại Đà Nẵng ;
- TAND thành phố Huế ;
- THADS thành phố Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Dung